

PHỤ LỤC 01C: BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN
ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THÔNG QUA HỆ THỐNG ĐỐI TÁC
(Áp dụng từ ngày 01/01/2025)

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng An Sinh Xã Hội		Khách hàng không thuộc nhóm An sinh xã hội	Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
		Hưu Trí	Người có công, Bảo trợ xã hội			
A	Đối tác VNPost					
1	Phí nộp tiền	Miễn phí			01 Giao dịch	A
2	Phí rút tiền	Miễn phí	Miễn phí	Chưa áp dụng dịch vụ		
3	Phí thực hiện dịch vụ Ứng Lương * Phí giao dịch chuyển khoản từ TKTC sang TKTT của KH				01 Giao dịch	B
	- Dưới 5 triệu đồng/giao dịch					
	+ Từ ngày 25 tháng trước đến ngày 4 tháng tiếp theo	50.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 15 đến ngày 24 cùng tháng	70.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng An Sinh Xã Hội		Khách hàng không thuộc nhóm An sinh xã hội	Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
		Hưu Trí	Người có công, Bảo trợ xã hội			
	+ Từ ngày 5 đến ngày 14 cùng tháng	90.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	<u>- Từ 5 đến dưới 8 triệu đồng/giao dịch</u>					
	+ Từ ngày 25 tháng trước đến ngày 4 tháng tiếp theo	60.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 15 đến ngày 24 cùng tháng	100.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 5 đến ngày 14 cùng tháng	140.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	<u>- Từ 8 đến dưới 10 triệu đồng/ giao dịch</u>					
	+ Từ ngày 25 tháng trước đến ngày 4 tháng tiếp theo	70.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 15 đến ngày 24 cùng tháng	120.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 5 đến ngày 14 cùng tháng	180.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng An Sinh Xã Hội		Khách hàng không thuộc nhóm An sinh xã hội	Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
		Hưu Trí	Người có công, Bảo trợ xã hội			
	<u>- Từ 10 đến dưới 13 triệu đồng/ giao dịch</u>					
	+ Từ ngày 25 tháng trước đến ngày 4 tháng tiếp theo	80.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 15 đến ngày 24 cùng tháng	150.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 5 đến ngày 14 cùng tháng	230.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	<u>- Từ 13 đến dưới 15 triệu đồng/ giao dịch</u>					
	+ Từ ngày 25 tháng trước đến ngày 4 tháng tiếp theo	90.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 15 đến ngày 24 cùng tháng	180.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 5 đến ngày 14 cùng tháng	260.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	<u>- Từ 15 đến dưới 17 triệu đồng/giao dịch</u>					

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng An Sinh Xã Hội		Khách hàng không thuộc nhóm An sinh xã hội	Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
		Hưu Trí	Người có công, Bảo trợ xã hội			
	+ Từ ngày 25 tháng trước đến ngày 4 tháng tiếp theo	100.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 15 đến ngày 24 cùng tháng	200.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 5 đến ngày 14 cùng tháng	300.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	<u>- Từ 17 đến 20 triệu đồng/giao dịch</u>					
	+ Từ ngày 25 tháng trước đến ngày 4 tháng tiếp theo	120.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 15 đến ngày 24 cùng tháng	230.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	
	+ Từ ngày 5 đến ngày 14 cùng tháng	350.000 VND		Chưa áp dụng dịch vụ	01 lần	

Ghi chú:

1. Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, PVcomBank sẽ thu thêm 10% VAT theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
2. Những loại phí dịch vụ khác không được liệt kê trong biểu phí này sẽ được PVcomBank thông báo cho Khách hàng khi có nghiệp vụ phát sinh.
3. Biểu phí trên có thể thay đổi theo từng thời kỳ.
4. Phí dịch vụ và các phí khác đã thu theo biểu phí không hoàn lại trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra.